

ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ CỦA DOANH NGHIỆP VIỆT NAM TẠI CAMPUCHIA

TRẦN NAM TRUNG - Đại học Kinh tế - Đại học Quốc gia Hà Nội

Trong những năm qua, thành công từ các hoạt động đầu tư của doanh nghiệp Việt Nam tại Campuchia đã góp phần tạo nền tảng vững chắc, thúc đẩy mối quan hệ hợp tác kinh tế giữa hai nước. Tuy nhiên, hoạt động đầu tư của doanh nghiệp Việt Nam sang Campuchia cũng gặp phải một số vướng mắc phát sinh liên quan như: thủ tục hải quan; thuế, kế toán, kiểm toán; cơ chế tài chính đối với doanh nghiệp có vốn nhà nước đầu tư ra nước ngoài. ...

Tình hình đầu tư của doanh nghiệp Việt Nam tại Campuchia

Có thể nói, hoạt động đầu tư của doanh nghiệp (DN) Việt Nam sang Campuchia được bắt đầu vào năm 1999. Dự án đầu tư đầu tiên của Việt Nam sang Campuchia được cấp phép là dự án sản xuất, chế biến bột mì vào năm 1999. Ba năm sau (năm 2002), Việt Nam có tiếp 2 dự án đầu tư sang Campuchia và từ năm 2005 việc đầu tư sang Campuchia của DN Việt Nam mới được triển khai thực hiện một cách liên tục và mạnh mẽ. Lũy kế tính đến ngày 31/12/2015, Việt Nam đã có 172 dự án đầu tư sang Campuchia được cấp Giấy chứng nhận đầu tư với tổng vốn đầu tư đăng ký là 3,61 tỷ USD. Trong đó, 151 dự án còn hiệu lực với tổng vốn đăng ký phía Việt Nam đạt 3,14 tỷ USD. Hoạt động đầu tư của DN Việt Nam sang Campuchia được chia thành 3 giai đoạn:

- Giai đoạn 1 (1999-2006): Trong vòng 7 năm Việt Nam có tổng cộng 16 dự án đầu tư sang Campuchia. Như vậy, trung bình mỗi năm có từ 3-4 dự án; quy mô vốn/dự án không cao, chỉ vào khoảng 1,3 triệu USD/dự án.

- Giai đoạn 2 (2007-2009): Trong giai đoạn này có 42 dự án với quy mô vốn trung bình đạt 11 triệu USD/dự án. Riêng năm 2009, quy mô vốn dự án đầu tư của DN Việt Nam sang Campuchia đạt 28,7 triệu USD, bằng 234% so với quy mô vốn trung bình.

- Giai đoạn thứ 3 (2010-2015): Đây là giai đoạn hoạt động đầu tư của DN Việt Nam sang Campuchia tăng nhanh so với hai giai đoạn trước. Cụ thể, trong giai đoạn này, Việt Nam có 114 dự án đầu tư sang

Campuchia với tổng vốn là 2,68 tỷ USD; quy mô đầu tư đạt 23,5 triệu USD/dự án.

Đặc biệt, từ năm 2010 -2015, hoạt động đầu tư của Việt Nam sang Campuchia được trải khắp 15 ngành, lĩnh vực, trong đó tập trung nhiều nhất trong lĩnh vực nông, lâm nghiệp (chiếm 54% tổng vốn đầu tư); thứ hai là lĩnh vực năng lượng (chủ yếu là dự án thủy điện Hạ Sê San II của Công ty cổ phần EVN Quốc tế; thứ ba là lĩnh vực tài chính-ngân hàng-bảo hiểm; thứ tư là lĩnh vực viễn thông. Các dự án còn lại nằm trong các lĩnh vực công nghiệp chế biến chế tạo, vận tải kho bãi, thương mại xuất nhập khẩu, y tế, xây dựng, du lịch-khách sạn, bất động sản và các dịch vụ khác.

Các dự án đầu tư của DN Việt Nam chủ yếu tập trung tại Thủ đô Phnom Penh, tiếp đến là các tỉnh giáp biên giới với Việt Nam (Rattanakiri, Kratie, Mondulakiri, Kompong Cham, Kandal, Svay Rieng), thứ ba là tỉnh Kompong thom và Stung Treng, các tỉnh còn lại mỗi tỉnh có từ 1-2 dự án.

Tổng vốn chuyển ra nước ngoài để thực hiện dự án (chưa kể các dự án vay vốn các chi nhánh, ngân hàng của Campuchia) đến nay ghi nhận đạt trên 1 tỷ USD. Nếu tính cả nguồn vốn huy động tại các chi nhánh, ngân hàng con của Việt Nam tại Campuchia thì vốn thực hiện đạt khoảng từ 1,3-1,4 tỷ USD.

Hoạt động đầu tư của Việt Nam vào Campuchia tăng liên tục trong thời gian qua và đạt được kết quả khá ấn tượng, đặc biệt là trong lĩnh vực nông nghiệp, viễn thông, hàng không, ngân hàng, y tế... nhiều dự án đã được triển khai đi vào hoạt động đạt hiệu quả tốt. Các dự án đầu tư của Việt Nam tại Campuchia có



đóng góp nhiều mặt cho phát triển kinh tế-xã hội của Campuchia, đã được Chính phủ và nhân dân nước này ghi nhận và đánh giá cao.

Những yếu tố tác động tới đầu tư của Việt Nam tại Campuchia

Có được kết quả tăng trưởng mạnh mẽ đầu tư của DN Việt Nam sang Campuchia thời gian qua được mang lại từ các yếu tố thuận lợi, Cùng với đó là một số khó khăn của các DN Việt đang phải đối mặt.

Thuận lợi:

- Quan hệ hữu nghị hợp tác truyền thống giữa hai nước luôn được duy trì và ngày càng phát triển tốt đẹp. Chính phủ Campuchia luôn dành những ưu tiên và tạo thuận lợi cho các DN Việt Nam đầu tư, kinh doanh tại Campuchia.

- Việt Nam và Campuchia gần gũi về địa lý, hoạt động trao đổi về kinh tế cũng như đi lại, xuất nhập khẩu hàng hóa, lao động giữa hai nước rất thuận lợi; sự tương đồng về điều kiện tự nhiên, xã hội và văn hóa đã khiến nhiều nhà đầu tư Việt Nam tìm kiếm cơ hội đầu tư tại Campuchia.

- Campuchia có nhiều tiềm năng mà các DN Việt Nam có thể hợp tác đầu tư như: thăm dò, khai thác, chế biến khoáng sản, trồng cây công nghiệp, cây cao su, sản xuất, chế biến nông-lâm sản...

- Một số dự án đầu tư mang tính dẫn đường như hàng không, ngân hàng, viễn thông... đã được cấp phép và đi vào hoạt động có hiệu quả, tạo điều kiện thuận lợi cho các dự án khác sớm triển khai thực hiện và đi vào hoạt động.

Khó khăn, hạn chế:

- Hệ thống pháp luật liên quan đến hoạt động đầu tư của Campuchia đang trong quá trình sửa đổi, hoàn thiện nên có nhiều thay đổi, không thống nhất, chưa thật sự minh bạch và khó tiếp cận. Thêm vào đó, sự phối hợp giữa các cơ quan nhà nước chưa thật sự đồng bộ làm ảnh hưởng đến việc thực thi chính sách.

- Chính sách đầu tư của Chính phủ Campuchia thường xuyên thay đổi cũng tạo ra môi trường không thuận lợi cho các nhà đầu tư vốn FDI, đặc biệt là Sắc lệnh 01 ngày 7/5/2012 của Thủ tướng Hun Sen về cấp quyền sở hữu đất cho người dân. Hiện nay, Chính phủ Campuchia rút ngắn thời hạn cho thuê đất từ 70 hoặc 90 năm xuống còn 50 năm, gây khó khăn cho kế hoạch đầu tư dài hạn của các DN.

Thủ tục hành chính rất phức tạp, chi phí để thực thi các thủ tục này rất lớn chiếm tỷ trọng trên 10% tổng vốn đầu tư. Các chính sách ưu đãi của Campuchia, các DN chưa được hưởng vì hiện nay các thủ tục

pháp lý chưa hoàn chỉnh. Các DN đầu tư chưa nắm chắc và kịp thời các văn bản pháp lý, thủ tục liên quan đến chủ trương, chính sách của Campuchia và xử lý tình huống khi xảy ra tình hình an ninh chính trị, nhằm đảm bảo tính mạng người lao động và tài sản đặc biệt các dự án này đều nằm ở vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới.

- Về visa làm việc, đến nay hai nước chưa có hiệp định về lao động nên Bộ Lao động Campuchia và Sở Lao động các tỉnh thường xuyên kiểm tra cán bộ người Việt Nam và yêu cầu rút cán bộ đã công tác 4 năm tại các dự án ở Campuchia về nước. Mặt khác, lệ phí visa cho cán bộ làm việc ở Campuchia quá cao (446 USD/người/năm) đây là điểm chưa phù hợp với cam kết chung trong khu vực "tam giác phát triển" Campuchia-Lào-Việt Nam là phấn đấu giảm lệ phí visa.

- Thủ tục đưa lao động và phương tiện xe máy, vật tư đến vùng dự án gặp rất nhiều khó khăn, bất cập. Phương tiện vận tải bị hạn chế tạm nhập tái xuất, gây lãng phí thời gian và tiền bạc của các DN. Việc đăng ký xe vận tải vận chuyển hàng hóa tại các Sở Giao thông các tỉnh của Campuchia gặp rất nhiều khó khăn, phải chờ chỉ tiêu đối ứng giữa hai nước; nhân công các dự án phải sang xe tại cửa khẩu gây tổn kém nhiều chi phí.

- Về đánh thuế hai lần: Hiện nay, hai nước Việt Nam - Campuchia chưa có Hiệp định về tránh đánh thuế hai lần nên hàng hóa mua tại Việt Nam đã chịu thuế, khi chuyển sang Campuchia tiếp tục phải chịu thuế thêm lần nữa.

- Việc giải tỏa, bàn giao đất, bàn giao mặt bằng thường triển khai chậm, khó khăn, phức tạp, làm ảnh hưởng đến tiến độ của nhiều dự án. Trên thực tế đã có một số dự án hoàn thiện thủ tục theo đúng pháp luật Campuchia, nhưng phải mất hàng tháng mới được bàn giao mặt bằng và nhiều tháng sau mới được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

- Tiềm lực về vốn, công nghệ của DN Việt Nam chưa phải là mạnh; kinh nghiệm quản lý còn hạn chế, do vậy còn gặp rất nhiều khó khăn trong quá trình đầu tư, kinh doanh tại Campuchia.

- Việc hỗ trợ cho các nhà đầu tư còn yếu: Công tác hỗ trợ, định hướng cho hoạt động đầu tư của DN còn rời rạc, thiếu liên kết. Các kiến nghị của DN đôi khi chưa chuyển tới các đầu mối cần thiết để tổ chức xử lý một cách kịp thời và ít có thông tin phản hồi lại cho DN, nên xuất hiện một số trường hợp nhà đầu tư tự tìm kiếm cách vận động riêng để triển khai dự án. Điều này dẫn tới chi phí đầu tư cao hơn và hiện tượng cạnh tranh không lành mạnh giữa bản thân các nhà đầu tư Việt Nam.

- Khi đầu tư sang Campuchia, các DN Việt Nam

chưa nắm vững luật pháp, chính sách, chưa tuân thủ đầy đủ quy định của Campuchia. Vẫn còn tình trạng một vài DN Việt Nam vi phạm pháp luật của nước bạn, dẫn tới làm giảm uy tín của các nhà đầu tư Việt Nam.

- Lực lượng lao động ở Campuchia có trình độ chuyên môn thấp, chưa đáp ứng được nhu cầu của nhà đầu tư cả về số lượng lẫn chất lượng, ý thức, kỷ luật của người lao động Campuchia kém, thường tùy tiện nghỉ việc, thêm vào đó Campuchia có rất nhiều lễ hội (1 năm có khoảng 30 ngày lễ), người lao động thường xuyên nghỉ việc để tham dự lễ hội, gây khó khăn cho DN trong việc thực hiện các kế hoạch sản xuất, kinh doanh...

Lũy kế tính đến ngày 31/12/2015, Việt Nam đã có 172 dự án đầu tư sang Campuchia được cấp Giấy chứng nhận đầu tư với tổng vốn đầu tư đăng ký là 3,61 tỷ USD. Trong đó, 151 dự án còn hiệu lực với tổng vốn đăng ký phía Việt Nam đạt 3,14 tỷ USD.

Một số khuyến nghị

Thứ nhất, hoàn thiện hệ thống thể chế và môi trường pháp lý của Việt Nam nhằm khuyến khích, hỗ trợ đầu tư vào Campuchia. Xây dựng và hoàn thiện hệ thống luật pháp liên quan đến hoạt động đầu tư nước ngoài để khuyến khích DN đầu tư theo hướng:

- Đơn giản hóa các thủ tục và điều kiện, tạo điều kiện thuận lợi nhất để các DN, nhà đầu tư thuộc mọi thành phần kinh tế tham gia vào các hoạt động đầu tư, kinh doanh tại Campuchia.

- Trao đổi, đàm phán với Chính phủ, các bộ, ngành chức năng của Campuchia để thúc đẩy việc ký kết hiệp định tránh đánh thuế hai lần; xem xét tháo gỡ mức thuế thu trước doanh thu 1%; có chính sách hỗ trợ hoặc ưu đãi thuế cho DN mới thành lập 1-3 năm; cho phép miễn thuế chuyển lợi nhuận về nước; miễn giảm thuế thu nhập DN; nghiên cứu ký kết hiệp định ưu đãi/hợp tác song phương giữa hai nước trong các lĩnh vực mỏ, năng lượng, nông nghiệp; đề nghị phía Campuchia có quy hoạch và định hướng phát triển đầu tư theo từng lĩnh vực, ngành nghề cụ thể, có tiềm năng thế mạnh như: thủy điện, khai khoáng, trồng cây công nghiệp... Đối với các dự án tại các khu vực giáp biên giới hai nước, đề nghị Campuchia dành ưu tiên số một cho các DN Việt Nam triển khai thực hiện đầu tư trước khi xem xét giao cho DN nước thứ 3.

Thứ hai, có chính sách khuyến khích, ưu đãi thích đáng đối với DN, doanh nhân đầu tư vào Campuchia. Đối với một số dự án đầu tư của Việt Nam sang Campuchia, Nhà nước cần có cơ chế, chính sách cụ

thể hỗ trợ DN thực hiện xúc tiến đầu tư và thương mại, tổ chức các diễn đàn, hội chợ xúc tiến thị trường tại Campuchia. Đặc biệt có chính sách khuyến khích đầu tư, sản xuất kinh doanh tại Campuchia đối với các hộ nông dân, tiểu thương các tỉnh khu vực biên giới Việt Nam – Campuchia.

Thứ ba, cần có cơ chế phối hợp, giải quyết chế độ bảo hiểm đối với người lao động Việt Nam tại Campuchia (do DN tuyển lao động tại Việt Nam trước khi điều động sang công tác tại Campuchia). Xây dựng cơ chế, chính sách đặc thù hỗ trợ các DN đầu tư sang Campuchia, đào tạo các lao động Việt Nam sang làm việc trong các dự án của DN Việt Nam tại Campuchia.

Thứ tư, tăng cường công tác hỗ trợ, tư vấn, cung cấp thông tin cho các DN Việt Nam đầu tư tại Campuchia. Tổ chức biên soạn, dịch tài liệu về luật pháp, chính sách, môi trường và cơ hội đầu tư tại thị trường Campuchia để cung cấp cho các DN, cơ quan quản lý thông qua các ấn phẩm cũng như qua mạng Internet. Đồng thời, cần có những biện pháp hỗ trợ DN, đặc biệt là trong việc tư vấn những thủ tục và pháp lý và hỗ trợ giải quyết các tranh chấp xảy ra.

Thứ năm, cần tăng cường mục tiêu hỗ trợ, thúc đẩy triển khai có hiệu quả các dự án đã có, định hướng các dự án đầu tư mới vào các ngành, lĩnh vực, địa bàn thuận lợi, có ích gắn với nền kinh tế trong nước. Công tác xúc tiến đầu tư ra nước ngoài cần tập trung có trọng điểm, tránh dàn trải, đều đặn một cách kém hiệu quả, tránh hoạt động phô trương không cần thiết, có mục tiêu cụ thể gắn liền với định hướng quản lý đầu tư ra nước ngoài trong từng thời kỳ.

Thứ sáu, cần tăng cường đào tạo đội ngũ cán bộ quản lý có đủ phẩm chất đạo đức, năng lực để thực hiện đầu tư trực tiếp ra nước ngoài nói chung và ở Campuchia nói riêng. Trong điều kiện hội nhập quốc tế sâu rộng như hiện nay, yếu tố nhân lực đóng vai trò quan trọng, có ý nghĩa quyết định tới việc thành bại của các DN. Do đó, DN cần phải tính trước các phương án đưa lao động từ Việt Nam sang với số lượng lớn để làm việc hoặc có kế hoạch đào tạo, nâng cao trình độ cho lao động địa phương.

Thứ bảy, về phía DN cần xây dựng chiến lược kinh doanh và tầm nhìn dài hạn tại Campuchia; rà soát lại các dự án đã đầu tư tại Campuchia đến thời điểm hiện nay; tập trung xem xét năng lực tài chính thực tế so với vốn điều lệ đăng ký của từng dự án; tính bền vững của các dự án; thuê/cử chuyên gia giỏi về luật quốc tế để kiểm tra, thẩm định lại tính chặt chẽ của các văn bản pháp lý đã ký giữa các DN Việt Nam với các cơ quan bộ, ngành của Campuchia.